TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **93**/2017/QĐST-HNGĐ V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con	*An Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 69/2017/TLST/HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Võ Thị V**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại: 01257.....

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Võ Thị Vui:* Ông **Huỳnh Phương C** - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm TGPLNN

* *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Trung Th**, sinh năm 1985

Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn Thứ 11, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại: 01259553456.....

* *Người có QLNVLQ:* Bà **Thị P**, sinh năm 1945

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Võ Thị V**, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp X, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang và anh **Huỳnh Trung Th**, sinh năm 1985, địa chỉ: khu phố 1, thị trấn Thứ 11, huyện M, tỉnh Kiên Giang**.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ nuôi con chung: Chị Võ Thị V và anh Huỳnh Trung Th cùng thống nhất xác định và thỏa thuận: Sau khi ly hôn, giao Huỳnh Quốc T1, sinh ngày 04/11/2005 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng; giao Huỳnh Võ Trung T2, sinh ngày 29/3/2010 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng *(có đơn trình bày nguyện vọng của Huỳnh Quốc T1, Huỳnh Võ Trung Tính T2)*, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Võ Thị V và anh Hình Trung Th cùng thống nhất xác định, hiện vợ chồng không tranh chấp gì với nhau, nên không yêu cầu Toà án giải quyết;

- Về quan hệ nợ chung: Chị Võ Thị V và anh Huỳnh Trung Th cùng thống nhất xác định và thoả thuận phân chia trách nhiệm trả nợ như sau: Hiện vợ chồng còn những nợ chung gồm: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh huyện M) 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng; Công ty tài chính TNHH 01 thành viên Ngân hàng VN 8.478.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng; Chị Lê Thị Ph 3.000.000 đồng; Anh Huỳnh Trung Tr 2.000.000 đồng; Ông Nguyễn Minh H 2.000.000 đồng.

Sau khi ly hôn, giao chị V trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh huyện An M) 40.000.000đ tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, trả cho chị Lê Thị Ph 3.000.000 đồng; giao anh Th trả cho Công ty tài chính TNHH 01 thành viên Ngân hàng VN 8.478.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, trả cho anh Huỳnh Trung Tr 2.000.000 đồng và trả cho ông Nguyễn Minh H 2.000.0000 đồng.

Do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh huyện An M), Công ty tài chính TNHH 01 thành viên Ngân hàng VN, chị Lê Thị Ph, anh Huỳnh Trung Tr và ông Nguyễn Minh H không khởi kiện đòi nợ vợ chồng chị V và anh Th trong cùng vụ án này nên Toà án không xem xét đến, mà chỉ ghi nhận sự tự thoả thuận phân chia trách nhiệm trả nợ giữa chị V và anh Th như trên để làm cơ sở giải quyết về sau. Nếu sau này giữa các bên có phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ án dân sự khác theo thủ tục chung.

- Về án phí: **150.000**đ (300.000đ x 50%) án phí dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn. Chị Võ Thị V và anh Huỳnh Trung Th cùng thống nhất thoả thuận:

Chị V tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Mỹ Linh